**TUẦN 23:**

**Bài 47: BÀI TOÁN LIÊN QUAN ĐẾN RÚT VỀ ĐƠN VỊ ( 2 TIẾT )**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.**

***1. Kiến thức, kĩ năng:***

- Nhận biết và giải được bài toán liên quan đến rút về đơn vị.

- Vận dụng giải các bài tập và các bài toán thực tế liên quan đến rút về đơn vị.

- Phát triển năng lực tư duy và lập luận toán học.

- Vận dụng bài học vào thực tiễn.

***2. Năng lực:***

- Năng lực tự chủ, tự học: Biết tự giác học tập, làm bài tập và các nhiệm vụ được giao.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia tốt trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong hoạt động nhóm.

***3. Phẩm chất.***

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác học tập, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.**

**TIẾT 1. BÀI TOÁN LIÊN QUAN ĐẾN RÚT VỀ ĐƠN VỊ**

**Ngày dạy: 20/02/2024**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | |
| **1. Khởi động:** | | |
| - GV tổ chức trò chơi hái hoa  Bông hoa 1: Muốn tìm số trung bình cộng của nhiều số ta làm như thế nào?  Bông hoa 2: Tìm số trung bình cộng của các số 40 và 60.  Bông hoa số 3: Mẹ bán ngày đầu 5kg ngô nếp. Ngày thứ 2 bán được 7 kg ngô tẻ. Hỏi trung bình một này mẹ bán được bao nhiêu kg ngô?  - GV nhận xét, tuyên dương.  - GV dẫn dắt vào bài mới | - HS tham gia trò chơi  + Trả lời: Muốn tìm số trung bình cộng của nhiều số, ta tính tổng của các số đó, rồi chia tổng đó cho các số hạng.  + Trung bình cộng của 40 và 60 là 50  + Mẹ bán trung bình một ngày số ngô là;  ( 5 + 7) : 2 = 6 kg  - HS lắng nghe. | |
| **2. Khám phá** | | |
| - GV yêu cầu HS đóng vai nêu bài toán  - Bài toán cho biết gì ?  - Bài toán hỏi gì?  - GV HD HS tóm tắt, phân tích bài toán  - Rô-bốt hướng dẫn ta tính như thế nào?    - Muốn tìm được 4 hộp đựng được bao nhiêu cái bánh ta phải làm như thế nào?  - Muốn tìm một hộp đựng bao nhiêu cái bánh ta làm như thế nào?  *( Bước tìm bài toán rút về đơn vị)*  - Muốn tìm 4 hộp bánh đựng bao nhiêu chiếc bánh ta làm như thế nào?  - GV gọi HS nêu cách làm và thực hiện vào vở  - GV nhận xét, tuyên dương.  \* Muốn giải một bài toán rút về đơn vị ta thực hiện theo mấy bước  Bước 1: Phân tích đề  + Bước 2  -Tìm giá trị một đơn vị (giá trị một phần trong các phần bằng nhau). Thực hiện phép chia.  -Tìm giá trị của nhiều đơn vị cùng loại (giá trị của nhiều phần bằng nhau). Thực hiện phép nhân.  **Bước 3: Thực hiện các phép tính thích hợp và viết lời giải**  - GV gọi HS nhắc lại các bước giải bài toán rút về đơn vị  - GV nhận xét, tuyên dương. | - HS nêu bài toán  - Bài toán cho biết Việt có 36 cái bánh xếp đều vào 6 hộp  - 4 hộp như vậy xếp được bao nhiêu cái bánh ?  +HS tóm tắt bài toán  Tóm tắt:  6 hộp…… 36 cái bánh  4 hộp …… cái bánh?  + Trước tiên tìm số bánh trong 1 hộp, rồi tìm số bánh trong 4 hộp.  -Ta phải tính 1 hộp đựng bao nhiêu chiếc bánh.  - Ta lấy 36 cái bánh chia đều cho 6 hộp ra 1 hộp bánh.  - Lấy số bánh 1 hộp nhân với 4 hộp thì ra số bánh đựng trong 4 hộp.  - HS làm bài  - HS trình bày  Bài giải  Số bánh trong mỗi hộp là:  36 : 6 = 6 (cái)  Số bánh trong 4 hộp là:  6 4 = 24 (cái)  Đáp số: 24 cái bánh  HS nêu  - Thực hiện theo 3 bước:  Bước 1: Phân tích đề  Bước 2: Tìm cách giải  **Bước 3: Thực hiện các phép tính thích hợp và viết lời giải**  - HS trình bày | |
| **3. Hoạt động** | | |
| Bài toán 1. Giải bài toán (Cá nhân)  - GV yêu cầu học sinh đọc toán  - Hướng dẫn học sinh làm bài trên vở  **-** GV gọi HS nêu cách làm và thực hiện vào vở  **-** GV nhận xét, tuyên dương  Bài toán 2: Giải bài toán( Làm việc nhóm 2)  - GV yêu cầu học sinh đọc toán  - GV chia nhóm 2, các nhóm làm vào vở  - Đổi vở xếp theo nhóm bàn trình bày kết qủa, nhận xết lẫn nhau  **-** GV nhận xét, tuyên dương  Bài toán 3: Số? (Nhóm 4)  - GV cho HS làm việc theo nhóm   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | Số ki-lô-gam muối | 2 | 1 | 4 | | Số tiền  tương ứng  ( đồng) | 11.000 | ? | ? |   - Gọi HS nêu kết quả, HS nhận xét  - Gv nhận xét tuyên dương | | - HS đọc yêu cầu bài  - Học sinh làm  Tóm tắt  10 túi …..20kg  3 túi…….kg?  Bài giải  Số ki-lô-gam đường trong một túi là:  20: 10 = 2 ( kg)  3 túi có số ki-lô-gam đường là:  2  3 = 6 ( kg)  Đáp số: 6 kg đường  - HS trình bày  - HS lắng nghe rút kinh nghiệm  - HS đọc yêu cầu bài  Tóm tắt  10 túi …..20kg  3 túi…….kg?  Bài giải  Một khay xếp được số trứng là:  60: 6 = 10 (quả)  4 khay xếp được số trứng là:  4 10 = 40 (quả)  Đáp số: 40 quả trứng  - HS đổi vở soát nhận xét    Các nhóm làm việc theo phân công  - HS làm việc theo nhóm   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | Số ki-lô-gam muối | 2 | 1 | 4 | | Số tiền  tương ứng  ( đồng) | 11.000 | 5.500 | 22.000 |   - HS nhận xét và nêu lại cách làm  - Tính tiền một gói muối, xong tính tiền 4 gói muối.  - Hs lắng nghe rút kinh nghiệm |
| **3. Vận dụng trải nghiệm.** | | |
| - GV tổ chức vận dụng bằng các hình thức như trò chơi, hái hoa,...sau bài học để học sinh nhận biết cách giải bài toán rút về đơn vị.  - Ví dụ: GV nêu bài toán có 100 kg gạo chia đều vào 10 bao? Hỏi 4 bao như vậy có bao nhiêu ki-lô-gam gạo ?  Mời 3 học sinh tham gia chơi: 3 em nêu kết quả ai đúng sẽ được tuyên dương  - Nhận xét, tuyên dương. | - HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.  - HS xung phong tham gia chơi.  - HS lắng nghe để vận dụng vào thực tiễn. | |

**TIẾT 2: BÀI TOÁN LIÊN QUAN ĐẾN RÚT VỀ ĐƠN VỊ**

**Ngày dạy: 21/02/2024**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động:** | |
| - GV tổ chức trò chơi đoán kết quả  - GV chiếu một bảng   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | Số túi kẹo mua | 2 | 1 | 5 | | Số tiền tương ứng ( đồng) | 10.000 | ? | ? |   - GV nhận xét, tuyên dương.  - GV dẫn dắt vào bài mới | - HS tham gia trò chơi  + Trả lời:   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | Số túi kẹo mua | 2 | 1 | 5 | | Số tiền tương ứng ( đồng) | 10.000 | 5.000 | 25.000 |   - HS lắng nghe. |
| **2. Khám phá** | |
| - GV yêu cầu học sinh đóng vai nêu bài toán  - Bài toán cho biết gì?  - Bài toán hỏi gì?  - GV hướng dẫn học sinh tóm tắt, phân tích bài toán  - Rô-bốt hướng dẫn ta tính như thế nào?    - Muốn tìm tìm số l mật ong trong 1 can, rồi tìm ta phải làm như thế nào?  *( Bước tìm bài toán rút về đơn vị)*  - 12*l* mật ong đựng đều vào số can ta làm như thế nào?  - GV gọi HS nêu cách làm và thực hiện vào vở  - GV nhận xét, tuyên dương.  \* Muốn giải một bài toán rút về đơn vị ta thực hiện theo mấy bước?  Bước 1: Phân tích đề  Bước 2: Tìm cách giải  + Tìm giá trị 1 đơn vị (giá trị 1 phần - đây là bước rút về đơn vị, thực hiện phép chia).  + Tìm số phần (số đơn vị - phép chia).  **Bước 3: Thực hiện các phép tính thích hợp và viết lời giải**  - GV gọi HS nêu cách thực hiện  - GV nhận xét, tuyên dương. | - HS nêu bài toán  - Bài toán cho biết Việt có 18 l mật ong đựng đều vào 6 can  - Nếu bạn Mai có 12 l mật ong như vậy thì đựng đều được mấy can như vậy?  + HS tóm tắt bài toán  Tóm tắt:  18*l*…… 6 can  12*l* …… can?  + Trước tiên tìm số *l* mật ong trong 1 can, rồi tìm số can để đựng 12 *l* mật ong  -Ta phải tính số 1 mật ong ở mỗi can. Lấy 18*l* chia cho số *l* ở 1 can thì ra số *l* đựng trong 1 can  - 12*l* chia cho số *l* trong 1 can thì ra số can cần đựng số *l* mật ong.  - HS làm bài  - HS trình bày  Bài giải  Số *l* mật ong ở mỗi can là  18 : 6 = 3 (*l* )  12 l mật ong đựng đều vào số can là  12 : 3 = 4 (can)  Đáp số: 4 can  - HS nêu  - Thực hiện theo 3 bước:  Bước 1: Phân tích đề  Bước 2: Tìm cách giải  **Bước 3: Thực hiện các phép tính thích hợp và viết lời giải**  - HS trình bày |
| **3. Hoạt động** | |
| Bài toán 1. Giải bài toán (Cá nhân)  - GV yêu cầu học sinh đọc toán  - Hướng dẫn học sinh làm bài trên vở  - GV gọi HS nêu cách làm và thực hiện vào vở  **-** GV nhận xét, tuyên dương  Bài toán 2: Giải bài toán (Nhóm 2)  - GV yêu cầu học sinh đọc toán  - GV chia nhóm 2, các nhóm làm vào vở  - Đổi vở xếp theo nhóm trình bày KQ, nhận xét lẫn nhau  **-** GV nhận xét, tuyên dương | - HS đọc yêu cầu bài  - Học sinh làm  Tóm tắt:  Việt: 40 000 đồng…… 5chiếc  Mai: 24 000 đồng ……chiếc ?  Bài giải  1 chiếc thước đo góc có số tiền là:  40 000 : 5 = 8000 (đồng)  Mai mua được số thước đo góc là:  24 000 : 8 = 3 (chiếc)  Đáp số: 3 chiếc  - HS trình bày  - Hs lắng nghe rút kinh nghiệm  - HS đọc yêu cầu bài  Tóm tắt  24 hộp….. 6 vỉ  16 hộp……vỉ?  Bài giải  Số hộp sữa đựng trong 1 vỉ là:  24 : 6 = 4 (hộp)  16 hộp đóng được vào số vỉ là:  16 : 4 = 4 (vỉ)  Đáp số: 4 vỉ sữa  - Các nhóm trình bày  - Các nhóm khác nhận xét  - HS lắng nghe rút kinh nghiệm |
| **4. Luyện tập** | |
| Bài 1: (Nhóm 4 )  - GV cho HS làm việc theo nhóm  - Gọi HS nêu kết quả, HS nhận xét  - GV nhận xét tuyên dương  Bài 2: Giải bài toán (Nhóm 2)  - GV yếu cầu HS đọc bài toán  - GV chia nhóm 2, các nhóm làm vào vở  - Đổi vở xếp theo nhóm trình bày kết quả, NX lẫn nhau  **-** GV nhận xét, tuyên dương | - Các nhóm làm việc theo phân công  Tóm tắt:  9 kg ….. 3 cây xanh  12 kg …….cây xanh?  Bài giải  Số ki-lô-gam giấy đổi 1 cây xanh là:  9 : 3 = 3 (kg)  12 kg giấy đổi được số cây xanh là:  12 : 3 = 4 ( cây)  Đáp số:4 cây xanh  - HS nhận xét và nêu lại cách làm  + Tìm giá trị của 1 cây xanh đổi ra bao nhiêu kg giấy  +Tìm 12 kg giấy đổi ra được bao nhiêu cây xanh  - HS lắng nghe rút kinh nghiệm  - HS đọc bài toán  - HS làm bài vào vở  Bài giải  Độ dài 1 que tính là:  60 : 4 = 15 (cm)  Chu vi hình tam giác là:  15 3 = 45 (cm)  Chu vi hình chữ nhật gồm 6 que tính là:  15  6 = 90 (cm)  Chu vi hình tứ giác gồm 7 que tính là  15  7 = 105 (cm)  Đáp số: 45cm, 90 cm, 105cm  - Các nhóm trình bày  - Các nhóm khác nhận xét  - HS lắng nghe rút kinh nghiệm |
| **5. Vận dụng trải nghiệm.** | |
| - GV tổ chức vận dụng bằng các hình thức như trò chơi, hái hoa,...sau bài học để học sinh nhận biết cách giải bài toán rút về đơn vị  Bông hoa 1: Có 9 thùng dầu như nhau chứa 414 lít. Hỏi 6 thùng dầu như thế chứa bao nhiêu lít dầu?  Bông hoa 2: Có 72 kg gạo đừng đều trong 8 bao. Hỏi 54 kg gạo đựng đều trong bao nhiêu bao như thế?  - Em có nhận xét gì về 2 kiểu dạng bài chúng ta vừa giải  \* Các em cần phân biệt bài toán liên quan rút về đơn vị có 2 dang bài để khi thực hiện không bị nhầm lẫn. | - HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.  - HS xung phong tham gia chơi.  Tóm tắt:  9 thùng: 414 lít  6 thùng: ? lít  Bài giải  Số lít dầu chứa trong một thùng là:  414 : 9 = 46 (l)  Số lít dầu chứa trong 6 thùng là:  46 x 6 = 276 (l)  Đáp số: 276 lít  Tóm tắt:  72 kg gạo: 8 bao  54 kg gạo: ? bao  Bài giải  Số gạo đựng trong mỗi bao là:  72 : 8 = 9 (kg)  Số bao chứa 54 kg gạo là:  54 : 9 = 6 (bao)  Đáp số: 6 bao  Bài thứ nhất  - Rút về đơn vị - tức là tìm giá trị 1 phần  - Tìm giá trị nhiều phần  Bài thứ hai  - Rút về đơn vị - tức là tìm giá trị 1 phần  - Tìm số phần  - HS lắng nghe để vận dụng vào thực tiễn. |
| **IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**  ..........................................................................................................................................  .........................................................................................................................................  ......................................................................................................................................... | |

**Bài 48: LUYỆN TẬP CHUNG (3 TIẾT)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.**

***1. Kiến thức, kĩ năng:***

- Thực hiện được phép nhân, chia cho số có một, hai chữ số trong phạm vi lớp triệu.

- Tính nhẩm được phép nhân, phép chia với 10, 100, 1000. Tính nhẩm được phép nhân, phép chia với số tròn chục, tròn trăm (có hai, ba chữ số).

- Tính được giá trị của các biểu thức liên quan đến phép nhân, phép chia. Tính được giá trị của biểu thức bằng cách thuận tiện nhất.

- Tính được chu vi, diện tích của hình vuông, hình chữ nhật.

- Tìm được thừa số khi biết tích và thừa số còn lại.

- Tìm được số bị chia khi biết số chia và thương.

- Giải được bài toán thực tế liên quan đến phép chia.

- Phát triển năng lực tư duy và lập luận toán học.

- Vận dụng bài học vào thực tiễn.

***2. Năng lực:***

- Năng lực tự chủ, tự học: Biết tự giác học tập, làm bài tập và các nhiệm vụ được giao.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia tốt trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong hoạt động nhóm.

***3. Phẩm chất.***

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác học tập, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.**

**TIẾT 1. LUYỆN TẬP**

**Ngày dạy: 22/02/2024**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động:** | |
| - GV tổ chức trò chơi  Gv nêu bài toán: Người ta lấy 42l xăng đem chia vào 6 thùng. Bốn thùng như thế thì chứa bao nhiêu lít xăng?  - GV nhận xét, tuyên dương.  - GV dẫn dắt vào bài mới | - HS tham gia trò chơi  Tóm tắt:  6 thùng: 42l  4 thùng: ? lít  Bài giải:  Một thùng chứa số lít xăng là:  42 : 6 = 7 (*l)*  Bốn thùng chứa số lít xăng là:  7 x 4 = 28 (*l)*  Đáp số: 28 lít.  - HS nêu kết quả bài  - HS lắng nghe. |
| **2. Luyện tập** | |
| Bài toán 1. Tính nhẩm (Cá nhân)  - GV yêu cầu học sinh đọc toán  - Hướng dẫn học sinh làm bài trên vở  a) 48 256  10 b) 625 400: 100  5 437  100 395 800 : 10  7 192  100 960 000: 1000    - GV gọi HS nêu cách làm và thực hiện vào vở  - Khi nhân một số tự nhiên với 10, 100, 1000 ta làm như thế nào?  - Khi chia số tròn chục, tròn trăm, tròn nghìn…. Cho 10, 100, 1000…… ta làm như thế nào?  **-** GV nhận xét, tuyên dương  Bài toán 2: Đặt tính rồi tính (Nhóm 2)  - GV yêu cầu học sinh đọc toán  - Đặt tính rồi tính:  91207  8 37 872 : 9  2 615  63 175 937 : 35  - GV chia nhóm 2, các nhóm làm vào vở  - Đổi vở xếp theo nhóm trình bày KQ, nhận xét lẫn nhau  **-** GV nhận xét, tuyên dương  Bài toán 3: Điền S, Đ vào ô trống (Nhóm 4)  - GV cho HS làm việc theo nhóm  - Muốn điền được kết quả đúng sai ta phải làm như thế nào?  - Muốn tính chu vi, diện tích hình vuông, hình chữ nhật ta làm như thế nào?  a) Chu vi hai mảnh vườn bằng nhau  b) Diện tích mảnh vườn trồng hoa hồng bằng diện tích mảnh vườn trồng hoa cúc.  c) Diện tích mảnh vườn trồng hoa hồng bé hơn diện tích mảnh vườn trồng hoa cúc.  - Gọi HS nêu kết quả, HS nhận xét  - GV nhận xét tuyên dương  Bài 4: (Cá nhân )  - GV yêu cầu HS đọc bài toán  - Bài toán cho biết gì?  - Bài toán hỏi gì?  - Yêu cầu học sinh làm bài  - Gọi HS nêu kết quả, HS nhận xét  - GV nhận xét tuyên dương | - HS đọc yêu cầu bài  - Học sinh làm  a) 48 256  10 = 482 560  5 437  100 = 543 700  7 192  100 = 719 200  b) 625 400: 100 = 6 254  395 800 : 10 = 39 580  960 000: 1000 = 960  - HS trình bày  - Khi nhân một số tự nhiên với 10, 100, 1000 ta chỉ việc thêm môt, hai, ba … chữ số không vào bên phải chữ số đó.  - Khi chia số tròn chục, tròn trăm, tròn nghìn cho 10, 100, 1000…. ta chỉ việc bỏ bớt một, hai, ba, … chữ số 0 ở bên phải chữ số đó.  - Hs lắng nghe rút kinh nghiệm  HS thực hành theo nhóm đôi     |  |  | | --- | --- | |  |  |  |  |  | | --- | --- | |  |  |   - Các nhóm trình bày  - Các nhóm khác nhận  - HS lắng nghe rút kinh nghiệm  Các nhóm làm việc theo phân công  - HS làm việc theo nhóm  - Ta phải tính chu vi và diện tích của từng mảnh vườn rồi mới so sánh.  - Hs nêu quy tắc tính và thực hiện tính theo nhóm  Chu vi mảnh vườn trồng hoa hồng là:  (14 +10)  2 = 48 ( m)  Diện tích của mảnh vườn trồng hoa hồng là:  14  10 = 140 ( m2)  Chu vi mảnh vườn trồng hoa cúc là:  12  4 = 48 ( m)  Diện tích của mảnh vườn trồng hoa cúc là:  12  12 = 144 ( m2)  a) Chu vi hai mảnh vườn bằng nhau  ĐĐ  b) Diện tích mảnh vườn trồng hoa hồng bằng diện tích mảnh vườn trồng hoa cúc.  SĐ  c) Diện tích mảnh vườn trồng hoa hồng bé hơn diện tích mảnh vườn trồng hoa cúc.  ĐĐ  - HS nêu kết quả  - HS lắng nghe rút kinh nghiệm  - HS thực hiện đọc yêu cầu bài toán  - 1 lớp có 27 học sinh,  - 1 lớp có 34 học sinh  - 6 lớp …? Học sinh  - Trung bình 1 lớp….học sinh?  - HS làm bài  Bài giải  Mỗi lớp có 34 học sinh thì 6 lóp có số học sinh là:  34  6 = 204 ( học sinh)  Tổng số khối 4 của trường tiểu học là:  6 + 1 = 7 ( lớp)  Trung bình khối 4 có số học sinh là:  ( 204 + 27): 7 = 33 (học sinh)  Đáp số: 33 học sinh  - Hs trình bày kết quả |
| **3. Vận dụng trải nghiệm.** | |
| - GV tổ chức vận dụng bằng các hình thức như trò chơi, hái hoa,...sau bài học để học sinh nắm chắc kiến thức bài chia số tròn chục, trăm, nghìn cho 10,100,1000  Phát phiếu cho 3 học sinh  9000 : 10      6800 : 100   20020 : 10  9000 :100   420 : 10     200200 : 100  - Ai điền kết quả đúng sẽ được tuyên dương  - GV nhận xét tuyên dương | - HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.  - HS xung phong tham gia chơi. |

**TIẾT 2. LUYỆN TẬP**

**Ngày dạy: 23/02/2024**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động:** | |
| - GV tổ chức trò chơi  - Khi nhân số tự nhiên với 10, 100, 1000, … ta làm như thế nào?.  - Khi chia số tròn chục, tròn trăm, tròn nghìn,… cho 10, 100, 1000,… ta làm như thế nào?  - GV nhận xét, tuyên dương.  - GV dẫn dắt vào bài mới | - HS tham gia trò chơi  - Khi nhân số tự nhiên với 10, 100, 1000, … ta chỉ việc viết thêm một, hai, ba,… chữ số 0 vào bên phải số đó.  - Khi chia số tròn chục, tròn trăm, tròn nghìn,… cho 10, 100, 1000,… ta chỉ việc bỏ bớt một, hai, ba, … chữ số 0 ở bên phải số đó. |
| **2. Luyện tập** | |
| Bài toán 1. Tính nhẩm (Cá nhân)  - GV yêu cầu học sinh đọc toán  - Hướng dẫn học sinh làm bài trên vở  Mẫu: 20  30 = ? 600  40 = ?  Nhẩm: 2  3 = 6 Nhẩm 6  4 = 24  20  30 = 600 600  40 = 24 000  a) 20  40 400  20  70  60 900  30    - Khi nhân một số tròn chục, tròn trăm, tròn nghìn,… với số tròn chục, tròn trăm, tròn nghìn….. ta thực hiện như thế nào?  Mẫu 400 : 20 = ? 1.500: 500 = ?  Nhẩm: 400: 20 = 40: 2 Nhẩm: 1.500: 500  = 20 = 15 : 5  = 3  b) 900: 30 3600: 600  240: 80 2800: 40        - Khi thực hiện phép chia số bị chia là số tròn chục, tròn trăm, tròn nghìn… cho số chia là tròn chục, tròn trăm, tròn nghìn…ta làm như thế nào?  - GV nhận xét, tuyên dương  Bài toán 2: Đặt tính rồi tính (Nhóm 2)  - GV yêu cầu học sinh đọc toán  - GV chia nhóm 2, các nhóm làm vào vở  - Bài toán cho biết gì ?  - Bài toán hỏi gì?  - Muốn tìm được 8 thùng soài nặng số kg ta làm như thế nào?  - Khi tìm được số kg nặng của 8 thùng ta làm như thế nào để tìm số kg còn lại của của hàng?  - Đổi vở xếp theo nhóm trình bày KQ, nhận xét lẫn nhau  **-** GV nhận xét, tuyên dương  Bài toán 3: Trò chơi ô cửa bí mật  - GV phổ biến luật chơi  (Trong mỗi ô cửa A, B, C,D là các phép tính của các bạn Mai, Việt, Nam và Rô-bốt có các phép tính nhiệm vụ của các em là mở lần lượt các ô cửa A, B, C,D nhiệm vụ của chúng ta giải các phép tính đó và xem kết quả của ai lớn nhất ai đoán đúng sẽ nhận được một phần quà của bạn Mi.  - GV tổ chức cho HS chơi  - Gọi HS nêu kết quả, HS nhận xét  - Ai nhận được móm quà của bạn Mi  - GV nhận xét tuyên dương  Bài 4: Tính bằng cách thuận tiện nhất (Nhóm 4)  - GV yêu cầu HS đọc bài toán  - Yêu cầu hs làm việc theo nhóm  - Muốn tính được phép tính bằng cách thuận tiện nhất ta vận dụng tính chất gì đã học ?  - HS trong nhóm làm và trình bày kết quả  ( Phần b giành cho HS khá, giỏi)  - Gọi HS nêu kết quả, HS nhận xét  - GV nhận xét tuyên dương | - HS đọc yêu cầu bài  - Học sinh làm  a) 20  40 = 70  60 =  Nhẩm: 2  4 = 8 Nhẩm:7  6= 42  20  40 = 800 70  60 = 4 200    400  20 = 900  30 =  Nhẩm: 4  2 = 8 Nhẩm:9  3= 27  400  20 = 8 000 900  30 = 27000  - Khi nhân một số tròn chục, tròn trăm, tròn nghìn,… với số tròn chục, tròn trăm, tròn nghìn ta thực hiện nhân như hai số tự nhiên sau đó đếm tất cả các chữ số 0 của hai số đó rồi ghi vào bên phải kết quả đó.  b) 900: 30  Nhẩm: 900: 30 = 90: 3  = 30  240: 80  Nhẩm: 240: 80 = 24: 8  = 3    3600: 600  Nhẩm: 3600: 600 = 36: 6  = 6  2800: 40  Nhẩm: 2800: 40 = 280: 4  = 70  - Ta thực hiện phép chia đếm số chia có bao nhiêu chữ số 0 thì ta bớt ở số bị chia bấy nhiêu số 0 và thực hiện phép chia bình thường.  - HS trình bày trước lớp  - HS lắng nghe rút kinh nghiệm  - HS đọc yêu cầu bài  - HS trình bày  - 15 thùng xoài nặng 675 kg  Bán 8 thùng ……. ? kg  - Của hàng còn lại ..? kg xoài  - Ta phải tính 1 thùng xoài nặng số kg rồi mới tính được số kg của 8 thùng xoài.  - Ta lấy tổng số cân nặng của 15 thùng trừ đi số cân nặng của 8 thùng xoài vậy ta tính được số kg xoài còn lại của của hàng  - HS trình bày kết quả trong nhóm  Bài giải  1 thùng xoài nặng số ki-lô-gam là:  675 : 15 = 45 (kg)  8 thùng xoài nặng số ki-lô-gam là:  8  45 = 360 ( kg)  Của hàng còn lại số ki-lô-gam soài là:  675 – 360 = 315 (kg)  Đáp số: 315 kg xoài  - Hs lắng nghe rút kinh nghiệm  - HS nghe luật chơi    - HS chơi  272 000 : 8 = 34 000 ( Mai)  3 900  9 = 35 100 (Việt)  963 000 : 30 = 32 100 (Nam)  500  70 = 35 000 (Rô-bốt)  -Bạn Việt sễ nhận được món quà của bạn Mi  - HS đọc yêu cầu bài  - Các nhóm thực hiện  - Phần a ta thực hiện tính chất kết hợp của phép nhân, phần b sử dụng tính chất giao hoán của phép nhân.  - Hs trình bày kết quả  a) 512  20 5 = 512 ( 20 50)  = 512 100  = 51 200  b) 125  32  8 = 125 8 32  = 1 000 32  = 32 000  Hoặc 125  32  8 = 32  (125 8)  = 32  1 000  = 32 000  - HS lắng nghe rút kinh nghiệm |
| **5. Vận dụng trải nghiệm.** | |
| - GV tổ chức vận dụng bằng các hình thức như trò chơi, hái hoa,...sau bài học để học sinh nắm chắc kiến thức bài nhân chia số tròn chục, trăm, nghìn cho 10,100,1000  Phát phiếu cho 3 học sinh  560  10; 560  100; 560  1000  1200 : 20 2200 : 20 ; 44 000 : 40  - Ai điền kết quả đúng sẽ được tuyên dương  - GV nhận xét tuyên dương | - HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.  - HS xung phong tham gia chơi. |

**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

**TUẦN 23. TIẾT 3. LUYỆN TẬP**

**Ngày dạy: 24/02/2024**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động:** | |
| - GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học.  + Câu 1: 40 x 70 = ?  + Câu 2: 600 : 20 = ?  + Câu 3: Tính bằng cách thuận tiện  20 x 134 x 5 =?  - GV Nhận xét, tuyên dương.  - GV dẫn dắt vào bài mới | - HS tham gia trò chơi  + Trả lời:  Câu 1: 40 x 70 = 2800  + Câu 2: 600 : 20 = 30  + Câu 3: 20 x 134 x 5 = 13400  - HS lắng nghe. |
| **2. Luyện tập:** | |
| **Bài 1. Đ, S? (Làm việc cá nhân)**  - GV gọi học sinh nêu yêu cầu của bài    - Cả lớp làm bài vào vở  - Gọi HS nêu kết quả, HS nhận xét.  - GV yêu cầu HS giải thích tại sao chọn Đ, S trong từng phép tính đã cho.  - GV nhận xét tuyên dương.  **Bài 2: Số? (Làm việc cá nhân)**    - GV gọi học sinh nêu yêu cầu của bài  GV hỏi :  a, Số phải tìm có tên gọi là gì?  Muốn tìm thừa số chưa biết ta làm như thế nào?  b, Số phải tìm có tên gọi là gì?  Muốn tìm số bị chia ta làm như thế nào?  - Gọi HS nêu kết quả, HS nhận xét.  - GV nhận xét tuyên dương.  **Bài 3. (Nhóm 2)**  *Có 72 cái bút chì xếp đều vào 6 hôp. Hỏi có 760 cái bút chì cùng loại đó thì xếp được bao nhiêu**hộp như thế và còn thừa mấy cái bút chì?*  - GV yêu cầu HS đọc đề bài.  - GV cùng HS tóm tắt:  + 72 cái bút chì: 6 hộp  + 760 cái bút chì: ... hộp, thừa ... bút chì?  - Muốn biết 760 cái bút chì xếp được bao nhiêu hộp, ta cần biết gì trước?  GV chia lớp thành các nhóm 2, thảo luận và làm bài giảng trên phiếu bài tập nhóm.  - Gọi các nhóm trình bày, HS nhận xét lẫn nhau.  - GV nhận xét tuyên dương các nhóm.  - GV cho HS ghi lại bài giải vào vở.  **Bài 4: (Nhóm 4). QS sơ đồ, TL câu hỏi.**  - GV mời HS đọc yêu cầu bài tập.  - Chia lớp thành các nhóm 4, thảo luận và trả lời theo đề bài.    - GV mời đại diện các nhóm trình bày.  - GV mời các nhóm khác nhận xét  - GV Nhận xét chung, tuyên dương.  **Bài 5: Tính bằng cách thuận tiện (Cả lớp)**  **930 x 65 + 65 x 70**  - Yêu cầu học sinh đọc đề bài.  **-** GV yêu cầu HS suy nghĩ, tìm tòi cách làm bài  - GV hướng dẫn để HS nhận ra trong 2 phép nhân đều có 1 thừa số giống nhau, đó là thừa số nào?  - Gọi HS nêu kết quả, GV mời HS nhận xét.  - GV Nhận xét chung, tuyên dương. | - HS đọc yêu cầu: Đ, S  - HS làm việc theo yêu cầu.  - HS giải thích:  a, Đ (vì đã tính đúng)  b, S (vì tích riêng thứ hai không lùi sang trái 1 hàng so với tích riêng thứ nhất)  c, Đ (vì đã tính đúng)  - HS lắng nghe rút kinh nghiệm.  - 1 HS trả lời: Số  - HSTL:  a, Số phải tìm là thừa số  Muốn tìm thừa số chưa biết ta lấy tích chia cho thừa số đã biết  b, Số phải tìm là số bị chia  Muốn tìm số bị chia ta lấy thương nhân với số chia  -HS chữa bài    - HS lắng nghe rút kinh nghiệm.  + 1 HS Đọc đề bài.  + HS cùng tóm tắt bài toán với GV.  - HS làm việc nhóm 2. Thảo luận và hoàn thành bài tập vào phiếu bài tập nhóm.  Bài giải:  Mỗi hộp xếp số bút chì là  72 : 6 = 12 ( bút)  Ta có 760 : 12 = 63 ( dư 4)  Vậy 760 bút chì cùng loại đó xếp được 63 hộp và còn thừa 4 bút chì  Đáp số: 63 hộp, thừa 4 bút chì  - Các nhóm nhận xét lẫn nhau.  - HS ghi lại bài giải vào vở.  - 1 HS Đọc đề bài.  Rô-bốt đến kho báu theo các đoạn đường ghi phép tính có kết quả là số lẻ. Hỏi kho báu ở trong tòa nhà nào ?  - Lớp chia nhóm và thảo luận.  Để tìm được đường đi của rô-bốt ta phải thực hiện các phép tính và nhận biết kết quả phải là số lẻ  -Phép tính 500 x 50 có chữ số hàng đơn vị là 0, nên kết quả không là số lẻ  Phép tính 90090 : 30; 605 x 13; 145000:1000; 163 x 7 có kết quả là số lẻ  Vậy kho báu ở tòa nhà phía trên  ( màu nâu đất)  - Đại diện các nhóm trình bày  - Các nhóm khác nhận xét.  - HS lắng nghe  - HS đọc đề bài  - HS suy nghĩ, trả lời  - Đó là thừa số 65  HS trao đổi cách làm  930 x 65 + 65 x 70 = (930 + 70) x 65  = 1000 x 65  = 65000  - HS nhận xét, bổ sung.  - HS lắng nghe. |
| **3. Vận dụng trải nghiệm.** | |
| - GV yêu cầu HS, em hãy tìm một số tình huống trong thực tế liên quan đến phép chia đã học rồi chia sẻ cả lớp cùng thực hiện tính.  - GV chia HS nhóm 4, cho các nhóm thi giải nhanh vào bảng nhóm.  - Các nhóm trình bày kết quả, nhận xét lẫn nhau.  - GV chữa bài, nhận xét tuyên dương. | - HS tìm, chia sẻ một số tình huống trong thực tế.  Ví dụ: Một hộp bút màu có 6 chiếc bút có giá 18600 đồng. Hỏi mỗi chiếc bút màu có giá là bao nhiêu tiền?  + Các nhóm thi giải nhanh vào bảng nhóm.  - Đại diện các nhóm trình bày:  Bài giải  Mỗi chiếc bút có giá là:  18600 : 6 = 3100 (đồng)  Đáp số : 3100 đồng  - HS lắng nghe để vận dụng vào thực tiễn. |
| IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:  .....................................................................................................................................................  ....................................................................................................................................................  .................................................................................................................................................... | |

**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**